

Số: 1015/BC-TMD

Cẩm Phả, ngày 11 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 5 năm 2022.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0203) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0203) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**

Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Truyền tải và phân phối điện	3512
02	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
03	Xây dựng nhà không đê ở	4102
04	Xây dựng nhà để ở	4101
05	Xây dựng công trình công ích khác	4229
06	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
07	Xây dựng công trình đường sắt	4211
08	Xây dựng công trình đường bộ	4212
09	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe và xe có động cơ khác)	3315
10	Sửa chữa thiết bị điện	3314
11	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13	Phá dỡ	4311
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24	Khai thác và thu gom than bùn	0892
25	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
31	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
33	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (chính)
35	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

- Địa bàn hoạt động chính: Phường Mông Dương thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 13 Phòng ban, 23 Phân xưởng đơn vị sản xuất.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi

tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Tập trung đẩy nhanh công tác chuẩn bị cho dự án xuống sâu: Dự kiến đầu năm 2023 sau khi TKV thông qua phương án kỹ thuật (trong đó có đào ngầm -97,5/-400) Công ty tập trung triển khai các thủ tục tiếp theo và thực hiện đào ngầm -97,5/-400 trong năm 2023.

Song song với các việc nêu trên Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực, phối hợp cùng với nhà thầu (Công ty Xây lắp mỏ) bố trí tối đa gương đẩy mạnh tiến độ thi công hệ thống các đường lò XV TT, sân ga, trạm điện, hầm bơm... mức -400 để khai thông chuẩn bị đảm bảo diện gôi cho Công ty các năm tiếp theo khi dần kết thúc mức khai thác trên -250, dự kiến hoàn thành toàn bộ số mét lò còn lại trong năm 2025.

5. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -400 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vĩa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -400 gây nguy cơ bực nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

TT	DANH MỤC	ĐVT	KH 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH NĂM	% Cùng kỳ năm 2021
A	Sản xuất					
I	Than sản xuất	Tấn	1.525.000	1.555.000	101,9	97
1	Than hầm lò	Tấn	1.500.000	1.529.000	101,9	98,8
2	Than Lộ thiên	Tấn	25.000	26.000	105,1	68,2
	- Than giao thầu	“	25.000	26.000	105,1	68,2
II	Bóc đất đá	M ³	197.000	176.000	88,8	66,5
	-Thuê thầu khai thác	M ³	197.000	176.000	88,8	66,5
III	Mét lò đào tổng số	M	18.800	19.700	104,8	95,5
1	Đào lò CBSX	M	18.800	19.700	104,8	95,5

TT	DANH MỤC	ĐVT	KH 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH NĂM	% Cùng kỳ năm 2021
	- Nội bộ làm	“	16.000	17.900	111,8	97
	+ Mét lò neo	“	5.000	3.100	62	
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	2.800	1.800	63,6	83,7
IV	Lò xén	M	3.500	3.447	98,5	93,2
B	Than tiêu thụ tổng số	<i>Tấn</i>	1.522.500	1.584.000	104	100,2
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.485.000	1.509.000	101,6	109,3
2	Than sạch giao KV	Tấn	32.500	74.000	197,4	35,2
C	Doanh thu tổng số	<i>Tr.đ</i>	2.276.900	2.356.000	103,5	103
D	Lợi nhuận	<i>Tr.đ</i>	29.347	40.000	136,5	117
E	Số lao động	<i>Người</i>	3.473	3.356	93,3	121
F	Thu nhập bình quân	<i>Tr.đ/ng/th</i>	16.157	17.444	108	104
G	Lương BQ CN lò	<i>Tr.đ/ng/th</i>	20.349	21.940	108,4	102
H	Tồn kho	<i>Tấn</i>		16.000		37,5

2. Tổ chức và nhân sự

a) Tóm tắt lý lịch của Ban Giám đốc điều hành: (chi tiết như phụ lục số 1)

b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:

- Trong năm 2022 danh sách về người có liên quan của Công ty có thay đổi 02 trường hợp do nhân sự chuyển công tác và Bổ nhiệm mới, cụ thể:

- Bổ nhiệm 01 Giám đốc: Ông Hoàng Trọng Hiệp PGĐ Công ty thay cho Ông Nguyễn Quế Thanh chuyển công tác về Tập đoàn;

- Bổ nhiệm 01 PGĐ Ông Lại Quang Trung;

c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty: Lao động danh sách 31/12/2021 là 3.356 người; tăng 37 người so với lao động đầu năm; Tiền lương thực hiện bình quân là 17,444 triệu đồng/người/tháng bằng 108% KH

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra

chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2022 được TKV thông qua tại văn bản số 6144/TKV-ĐT ngày 30/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thông báo kế hoạch đầu tư năm 2022 và Công văn số 689/TKV-ĐT ngày 24/02/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2022 và Quyết định số 108/QĐ-TMD ngày 15/01/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 – Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin.

3.1. Tình hình thực hiện một số dự án như sau:

3.1.1. Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 2024/TKV-ĐT ngày 28/4/2020 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1122/QĐ-TMD ngày 11/5/2020. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 108.067 triệu đồng.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư mới và thay thế một số thiết bị phục vụ sản xuất theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và cho các năm tiếp theo; Nhằm nâng cao mức độ an toàn, năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư mới 02 hạng mục công trình xây dựng và thiết bị theo 09 nhóm thiết bị, bao gồm: (i) Nhóm thiết bị vận tải qua giếng; (ii) Nhóm thiết bị vận tải trong lò; (iii) Nhóm Thiết bị thông gió mỏ; (iv) Nhóm thiết bị thoát nước; (v) Thiết bị cung cấp điện và trạm bị điện; (vi) Nhóm thiết bị cung cấp khí nén; (vii) Nhóm Thiết bị vận tải ngoài mặt bằng; (viii) Nhóm thiết bị kỹ thuật an toàn; (ix) Thiết bị bảo vệ môi trường.
- Thời gian thực hiện DA: Năm 2020-2021
- Kế hoạch giao năm 2022: 920 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2022: 2.738 triệu đồng (Trong đó 2.093 tr.đồng giá trị trả nợ năm trước; 645 tr. đ giá trị thực hiện chuyển tiếp năm 2021 sang năm 2022);
- Thực hiện lũy kế đến thời điểm báo cáo: 99.451 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 99.451 triệu đồng;
- Năm 2022: Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.
- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

3.1.2. Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 1908/TKV-ĐT ngày 05/5/2021 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1028/QĐ-TMD ngày 19/5/2021, Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 77.271 triệu đồng.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư bổ sung và thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, không còn khả năng sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, ổn định và phát triển sản xuất trong năm 2021 và các năm tiếp theo của Công ty.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư mới 48 danh mục thiết bị phục vụ sản xuất trong các khâu: Đào chống lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cơ điện và phục vụ khác.

- Thời gian thực hiện DA: Năm 2021-2022
- Kế hoạch giao năm 2022: 41.179 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2022: 38.681 triệu đồng (Trong đó 14.890 tr.đồng giá trị trả nợ năm trước; 23.791 tr. đ giá trị thực hiện chuyển tiếp năm 2021 sang năm 2022);
- Thực hiện lũy kế đến thời điểm báo cáo: 44.926 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 54.513 triệu đồng;
- Năm 2022: Thực hiện đầu tư các hạng mục của dự án.
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.

- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Chưa thực hiện

3.1.3. BCKTKT Đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt 1000m³/ngày-đêm và xử lý nước sinh hoạt 200m³/ngày-đêm

Dự án được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 3109/QĐ-TMD ngày 07/12/2020, Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 14.772 triệu đồng.

- Mục tiêu đầu tư: Công trình trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt 1000m³/ngày-đêm và xử lý nước sinh hoạt 200m³/ngày-đêm – Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin để xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn và các nhà điều hành sản xuất đạt QCVN14-2008 trước khi thải ra môi trường; cung cấp đủ nước phục vụ sinh hoạt, tắm giặt cho toàn bộ mỏ và phục vụ sản xuất cho một số hộ tiêu thụ cần sử dụng nước sạch đảm bảo QCVN 02:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

- Quy mô đầu tư:

+ Trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt 1000m³/ngày-đêm gồm: Bể thu nước đầu vào KT (14,05x8,80x3,35)m, cụm bể xử lý nước KT (12,05x8,25x5,35)m, nhà chứa thiết bị và điều hành KT14,74x4,98x4,35)m, tường rào, cổng ra vào, sân, đường ống dẫn nước, cung cấp điện và hệ thống thiết bị xử lý nước.

+ Trạm xử lý nước sinh hoạt 200m³/ngày-đêm gồm: Bể thu nước đầu vào KT (3,22x2,2x1,75)m, bể xử lý nước thải KT(11,16x8,0x4,8)m, nhà chứa thiết bị và điều hành, hệ thống đường ống thu nước, cung cấp điện và hệ thống thiết bị xử lý nước.

- Thời gian thực hiện DA: Năm 2020-2022

- Kế hoạch giao năm 2022: 7.995 triệu đồng (trong đó 7.863 tr. đ giá trị trả nợ khối lượng năm trước; 132 tr. đ kế hoạch chuyển tiếp từ năm 2021 sang năm 2022;

- Tình hình thực hiện năm 2022: 7.989 tr.đ (trong đó 7.863 triệu đồng giá trị trả nợ khối lượng năm trước; 126 tr. đ giá trị thực hiện kế hoạch chuyển tiếp từ năm 2021 sang năm 2022;

- Thực hiện lũy kế đến thời điểm báo cáo: 12.944 triệu đồng;

- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 12.944 triệu đồng;

- Năm 2022: Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.

- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

3.1.4. Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2022

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 1864/TKV-ĐT ngày 26/4/2022 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1038/QĐ-TMD ngày 16/5/2022, Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 92.331.933 triệu đồng.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư bổ sung và thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, không còn

khả năng sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động ổn định và phát triển sản xuất trong năm 2022 và các năm tiếp theo của Công ty...

- Quy mô đầu tư: Quy mô đầu tư: Đầu tư mới 37 danh mục thiết bị phục vụ sản xuất trong các khâu: Vận tải, khai thác, thông gió, thoát nước, điện, an toàn và phục vụ phụ trợ.

- Thời gian thực hiện DA: Năm 2022-2023

- Kế hoạch giao năm 2022: 38.003 triệu đồng;

- Tình hình thực hiện năm 2022: 37.934 triệu đồng;

- Thực hiện lũy kế đến thời điểm báo cáo: 37.934 triệu đồng;

- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 28.706 triệu đồng;

- Mục tiêu năm 2022: Hoàn thành các hạng mục đầu tư thiết bị điện, thiết bị giá xích và lựa chọn nhà thầu thiết bị tời, thiết bị thông gió, thoát nước và an toàn.

- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.

- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Chưa thực hiện

3.1.5. Dự án đầu tư xây dựng trạm biến áp 35/6kV mỏ than Mông Dương - Công ty cổ phần than Mông Dương

Dự án được HĐQT Công ty phê duyệt chủ trương đầu tư và đề cương dự toán tại quyết định số 2905/QĐ-TMD ngày 31/12/2021.

Năm 2022 đơn vị tư vấn lập xong dự án theo HĐ số 131/HĐ-KHMD ngày 25/02/2022 và Công ty đã thẩm định, trình TKV xin thông qua dự án.

3.1.6. Dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thông gió mỏ - Công ty cổ phần than Mông Dương

Dự án được HĐQT Công ty phê duyệt chủ trương đầu tư và đề cương dự toán tại quyết định số 2906/QĐ-TMD ngày 31/12/2021.

Năm 2022 đơn vị tư vấn đang lập dự án theo HĐ số 128/HĐ-KHMD ngày 25/02/2022, dự kiến đầu Quý I năm 2023 công ty sẽ thẩm định, trình TKV xin thông qua dự án.

3.2. Kết quả thực hiện kế hoạch

Giá trị thực hiện đạt 87.700 Tr.đ /KH: 91.312 Tr.đ đạt 96% kế hoạch.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2022

TT	CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		So sánh (%)
		ĐẾN CUỐI QUÝ		
		NĂM NAY 2022	NĂM TRƯỚC 2021	
A	B	1	2	3=1/2*100
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.801.523.066.828	2.318.093.785.740	120,85
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.801.523.066.828	2.318.093.785.740	120,85
4	Giá vốn hàng bán	2.496.219.161.003	2.110.406.768.813	118,28
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	305.303.905.825	207.687.016.927	147,00
6	Doanh thu hoạt động tài chính	788.569.982	769.885.779	102,43

TT	CHỈ TIÊU	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM		So sánh (%)
		ĐẾN CUỐI QUÝ		
		NĂM NAY 2022	NĂM TRƯỚC 2021	
7	Chi phí tài chính	34.199.623.154	37.482.742.655	91,24
	Trong đó: chi phí lãi vay	34.199.623.154	37.482.742.655	91,24
8	Chi phí bán hàng	20.661.669.241	15.388.330.525	134,27
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	138.220.402.088	118.038.841.594	117,10
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113.010.781.324	37.546.987.932	300,98
11	Thu nhập khác	2.614.807.268	1.163.572.148	224,72
12	Chi phí khác	299.062.204	20.748.422	1.441,37
13	Lợi nhuận khác	2.315.745.064	1.142.823.726	202,63
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.326.526.388	38.689.811.658	298,08
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	88.693.446.783	5.310.386.202	1.670,19
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(63.002.822.981)	-	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	89.635.902.586	33.379.425.456	268,54
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.185	1.558	268,61

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn			
	Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	0,87	0,51	170,46
+	Hệ số thanh toán nhanh			
	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,80	0,46	175,16
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,78	0,78	100,48
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,59	3,51	102,21
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	51,26	66,92	76,61
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,94	1,94	99,79
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,01	222,20
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,28	0,13	225,55
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng, giảm
		0,06	0,03	221,73
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,02	246,64

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	21.418.346	100%	16	2004
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	13.921.925	65,0%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		0
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	3.857.153	18,01%	14	2004
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	463.398	2,03%		490
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	13.921.925	65,0%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.727.433	17,4%	3	11

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 13.921.925 cổ phần, chiếm 65,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag –Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2022 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ trực tiếp: 41.763.722 kw/h;

- Tiêu thụ gián tiếp: 606.411 lít dầu diesel, xăng 86.445 lít và 1150 tấn than

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 1.678.167 kw/h

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ 02 nguồn cung cấp nước chính:

(i) Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mở;

(ii) Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả. Trong năm 2022 lượng nước tiêu thụ cụ thể như sau:

- Nước xử lý tái sử dụng phục vụ sinh hoạt tắm giặt (tại trạm xử lý nước mức +28): 120.000m³.

- Nước cấp phục vụ tưới đường đập bụi: 19.632m³;

- Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả phục vụ ăn uống, lọc nước tinh khiết là: 54.083 m³.

b) Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Công ty TNHH MTV Môi trường TKV là: 9.496.153 m³; Chi phí xử lý nước thải trong năm 2022: 37.620.170.150 đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động bình quân năm của Công ty: là 3.356 người; tăng 37 người so với lao động đầu năm; Tiền lương thực hiện bình quân là 17,444 triệu đồng/người/tháng bằng 108% KH.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đẩy mạnh cơ giới hóa trong đào lò và khai thác tại các khu vực có khả năng áp dụng dây chuyền cơ giới hóa để tăng năng suất lao động, giảm lao động dây chuyền, phục vụ (đưa lò chợ giá khung xích vào hoạt động thay thế lò chợ giá XDY, đầu tư máy đào lò, máy khoan 2 cần CMJ-17AH để tăng năng suất đào lò). Nghiên cứu, áp dụng các dây chuyền công nghệ phù hợp với khoáng sàng của Công

ty tại các khu vực có điều kiện địa chất phức tạp (giàn chống mềm ZRY khai thác vỉa dốc, giá TLPT ZH1600 khai thác vỉa dày...) để tăng năng suất, giải phóng sức lao động cho công nhân.

- Duy trì và mở thêm tuyến tàu chở người từ trung tâm vào đến sát vị trí làm việc để giảm thời gian đi lại, đỡ mất sức cho công nhân; đầu tư, lắp đặt các thiết bị vận chuyển vật tư, vật liệu thi công tới gần vị trí làm việc ở tất cả các khu vực sản xuất để giảm mức độ nặng nhọc cho người lao động (hạn chế đến mức thấp nhất cung độ vận chuyển thủ công).

- Tăng cường công tác thông gió, quản lý khí, chống ồn, chống bụi, khắc phục sự lầy lội, vật tư, vật liệu bừa bộn, làm tốt vệ sinh công nghiệp trong hầm lò đảm bảo môi trường lao động trong hầm lò; tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp ở nhà giao ca, cửa lò, mặt bằng sân công nghiệp để thợ lò mới, học sinh về thực tập không có cảm giác sợ hãi, chán nản khi lần đầu tiếp xúc với thực tế.

- Xây dựng quy chế, quy định về tiền lương và chế độ, chính sách đảm bảo khuyến khích được người lao động, tạo động lực tăng năng suất, thu nhập cho người lao động để thu hút và giữ chân lực lượng lao động; Xây dựng quy định trả lương khoán cho cán bộ các PX gắn với công tác quản lý lao động, doanh thu để PX đổi mới tư duy, nhận thức, tầm nhìn từ đó có các phương pháp quản lý lao động phù hợp với su thế xã hội và điều kiện cạnh tranh lao động hiện tại. Trong năm đã xây dựng phương án tăng lương cơ điện theo các Quyết định số 1803/QĐ-TKV, ngày 28/12/2021 và tăng lương cho các chức danh nghề từ 01/10/2022 theo hướng dẫn Công văn số 4841/TKV-TCNS, ngày 25/10/2022.

- Duy trì các chế độ ưu đãi đối với thợ lò về ăn ca theo hình thức tự chọn, xe đưa đón đi làm, tắm nước nóng, giặt quần áo bảo hộ lao động, điều dưỡng sức khỏe, rửa bụi phổi, khám sức khỏe định kỳ, đổi mới cách thức ăn bồi dưỡng giữa ca... ở mức độ cao hơn, chất lượng hơn.

- Duy trì các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần thợ lò như khen thưởng thợ lò là lao động giỏi, ngày công cao, đạt năng suất kỷ lục, thợ lò xuất sắc trong các kỳ thi chọn thợ giỏi; Tổ chức cho gia đình của công nhân lao động trực tiếp trong hầm lò xuất sắc trong sản xuất được đi tham quan nghỉ mát; tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao quần chúng do người lao động trực tiếp tham gia hoặc phục vụ trực tiếp người lao động để thợ lò được thưởng thức văn hóa tinh thần, hạn chế sa vào các tệ nạn do nhàn rỗi.

- Tổ chức cho 3.324 CBCNV các đơn vị trong Công ty đi nghỉ dưỡng sức cuối tuần (vào thứ 7 và chủ nhật) theo Phương án số 1546/PA-TMD, ngày 01/6/2022 đảm bảo an toàn phòng chống dịch. Tổ chức cho 138 CBCNV tiêu biểu xuất sắc và gia đình đi thăm quan nghỉ mát theo Phương án số 2.225/PA-TMD, ngày 06/8/2022. Tổ chức cho 312/320 CBCNV đi nghỉ mát, hỗ trợ điều trị cho người lao động tại các trung tâm điều dưỡng ngành than theo Phương án số 1024/PA-TMD, ngày 03/4/2022 và tổ chức cho 25/25 CBCN thuộc đối tượng mắc bệnh bụi phổi silico đi rửa phổi.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm cho tất cả lao động làm việc trong Công ty, tổng số 6.179 lượt người. Khám sàng lọc phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 2.136 công nhân, giám định thương tật sau TNLĐ cho 57 người, lập hồ sơ giám định bệnh nghề nghiệp cho 23 người.

- Hỗ trợ các lao động có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, xây nhà tình nghĩa, thăm hỏi ốm đau, tặng quà sinh nhật, hỗ trợ địa phương ... với số tiền 2.940.340.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công tác quản lý lao động:

Lao động danh sách 31/12/2021 là 3.337 người; tăng 18 người so với lao động đầu năm, cơ cấu lực lượng lao động đã được sắp xếp hợp lý hơn theo chủ trương của Tập đoàn.

- Công tác tuyển dụng lao động:

* Các việc đã thực hiện:

Ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng và ban hành phương án tuyển dụng lao động số 348/PA-TMD, ngày 18/02/2022 đưa ra các giải pháp phù hợp theo điều kiện thực tế của Công ty, như: Phối hợp chặt chẽ với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản, thành lập các đoàn công tác để đi tư vấn, tuyên truyền, quảng bá về Công ty tại các địa phương để tuyển lao động, giao chỉ tiêu tuyển lao động cho các phòng, phân xưởng trong Công ty để nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động...

* Kết quả thực hiện năm 2022:

Kết quả trong năm 2022 Công ty tuyển dụng 306 lao động/343 lao động KH đạt 89,2%. Trong đó: Thợ lò 269/250 lao động đạt 107,6% KH, Cơ điện lò 33/83 lao động đạt 39,8% KH, lao động khác 04/10 đạt 40% KH). Số lao động tuyển dụng được kịp thời bổ sung, thay thế lao động nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động góp phần duy trì ổn định lực lượng lao động phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2022 Công ty đã có các giải pháp phù hợp tăng cường công tác tái tuyển lao động làm việc trong hầm lò (đã tái tuyển 95/306 lao động là công nhân cũ của Công ty chiếm 31% tổng lao động tuyển mới của Công ty).

- Công tác tuyển học sinh nghề khai thác mỏ hầm lò gửi đi đào tạo tại Trường Cao đẳng TKV:

* Các việc đã thực hiện:

Công tác tuyển sinh: Xác định công tác tuyển sinh nghề khai thác mỏ hầm lò ngày càng khó khăn, đặc biệt đối với Công ty do đặc thù về điều kiện địa lý, khai thác ngày càng xuống sâu...nên ngay từ đầu năm Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp để thu hút học sinh như:

+ Công ty đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề mỏ hầm lò năm 2022 đã được Tập đoàn phê duyệt.

+ Xây dựng Phương án tuyển sinh có chế độ thưởng, khuyến khích cho CBCNV trong Công ty tham gia công tác tuyển sinh và gắn trách nhiệm các tập thể trong công tác tuyển sinh.

+ Mỗi quý một lần Công ty cùng Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tổ chức họp đánh giá kết quả tuyển sinh, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để hoàn thành chỉ tiêu theo KH được giao.

* Kết quả thực hiện năm 2022:

Năm 2022 Công ty đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tuyển dụng 250/250 học sinh nghề khai thác và Cơ điện mỏ hầm lò đạt 100% kế hoạch năm 2022 (Trong đó: Công ty tuyển 75/50 học sinh = 150% KH năm, Nhà trường tuyển: 175/200 học sinh, đạt 87,5% KH năm).

- Công tác đào tạo khác:

- Tổ chức các lớp đào tạo thêm nghề, kiêm nghề cho 137 thợ mỏ để bổ sung cho các đơn vị, đáp ứng yêu cầu SX của Công ty.

- Bồi dưỡng ôn luyện và tổ chức thi nâng bậc cho 213 công nhân các nghề kỹ thuật tham gia dự thi, 200 công nhân thi đạt đủ điều kiện nâng bậc, chiếm 93,8 %. Góp phần tăng tỷ lệ thợ bậc cao của Công ty đầu năm từ 58% lên 61%.

- Đào tạo huấn luyện chuyển giao thay đổi công nghệ từ XDY sang ZH và ngược lại, thay đổi công nghệ từ ZRY sang XDY (PX KT9) và đào tạo công nghệ giá khung xích ZH1800 (PX KT6, KT1) cho 538 CBCNV

- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo Nghị định 44/2015/NĐCP của Chính phủ cho 2.769 lượt lao động nghề nặng nhọc độc hại và đặc biệt nặng nhọc độc hại theo đúng quy định của nhà nước, trong đó: 160 lao động (nhóm 1), 71 lao động (nhóm 2), 1697 lao động (nhóm 3), 546 lao động mới tuyển, HSTT (nhóm 4), 18 lao động (nhóm 5), 277 lao động (nhóm 6).

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quyên góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2022, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (Không có)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước đang được kiểm soát. Theo chủ trương mới của Chính phủ về việc thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch bệnh Covid-19,

các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp đã phục hồi và có bước phát triển mới.

Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, giải pháp, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, linh hoạt, với tinh thần đoàn kết nội bộ của cả hệ thống chính trị và sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện mọi mặt của các đ/c Lãnh đạo Tập đoàn, các Ban chuyên môn của TKV, kết thúc năm 2022 Công ty đã hoàn thành được các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2022; cụ thể:

- **Doanh thu:** Trong năm 2022 sản lượng than quy sạch của Công ty tiêu thụ: 1.359.380 Tấn/KH: 1.299.750 tấn bằng 104,6% KH, doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.787,8 tỷ đồng/KH: 2.276,9 tỷ đạt 122,4% KH bằng 121,2% so với cùng kỳ năm 2021.

- **Nộp ngân sách nhà nước:** Công ty đã nộp NSNN là 659,8 tỷ đồng cao hơn so với cùng kỳ năm trước là 151,5 tỷ nguyên nhân chủ yếu do tiền thuế TNDN tăng 85,3 tỷ; tiền thuế tài nguyên tăng 48,9 tỷ; tiền thuế giá trị gia tăng tăng 5 tỷ; tiền cấp quyền khai thác tăng 9,4 tỷ

- **Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu** thực hiện 3,59 lần/KH: 4,68 lần giảm so với kế hoạch là 1,09 lần, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 28,51% cao hơn so với đầu năm là 15,88% và tỷ suất lợi nhuận/ tài sản (ROA) là 6,21% cao hơn so đầu năm 3,41%

- **Lợi nhuận:** 38 tỷ đồng đạt 133,3% KH năm (KH: 28,5 tỷ đồng) bằng 135,1% so với cùng kỳ năm 2020.

- **Tổng tài sản năm 2022** là 1.445 tỷ đồng, cao hơn 21,1% so với đầu kỳ chủ yếu do tăng các khoản phải thu ngắn hạn. Sau khi trích lập dự phòng, mua bảo hiểm tài sản theo quy định, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 115,4 tỷ đồng, điều này cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn kinh doanh;

- **Giá thành thực hiện:** 1.971.084 đ-tấn/KH: 1.728.602 đ-tấn bằng 114% KH.

- **Lao động và thu nhập** Lao động danh sách 31/12/2021 là 3.337 người; tăng 18 người so với lao động đầu năm (Số lượng công nhân tuyển mới đến thời điểm hiện tại là 320 người/KH năm: 343 người đạt 89,2% KH và bằng 115,9% so với cùng kỳ năm 2021). Số công nhân nghỉ chế độ hưu trí: 23 người, số công nhân thực hiện NVQS: 05 người, số công nhân sa thải, nghỉ VLD, chấm dứt hợp đồng: 256 người; TNLĐ, ốm mất: 04 người); Tiền lương thực hiện bình quân là 17,644 triệu đồng/người/tháng bằng 109,2% KH: 16,157 triệu đồng/người/tháng (Tăng 105,1% so với cùng kỳ năm 2021);

- **Than SX:** Thực hiện 1.555.400T/KH: 1.551.300T đạt 100,3%KH năm, (bằng 97,2% so với cùng kỳ năm 2021); Trong đó:

+ Than SX hầm lò thực hiện 1.529.100T/KH: 1.525.000T đạt 100,3%KH năm (bằng 98,9% so với cùng kỳ năm 2021).

+ Than SX LT thuê thầu thực hiện 26.300T/KH: 26.300T đạt 100% KHĐC năm (bằng 47,8% so với cùng kỳ năm 2021).

- **Đào lò CBSX:** Thực hiện 19.840 m/KH: 19.200m đạt 103,3% KH năm (bằng 96,7% so với cùng kỳ năm 2021); trong đó:

- Nội bộ thực hiện: 18.040 m/KH: 17.200m đạt 104,9% KH năm (bằng 98,1% so với cùng kỳ năm 2021).

- Thuê ngoài thực hiện: 1.800m/KH: 2.000m đạt 90% KH năm (bằng 84,6% so với cùng kỳ năm 2021).

- Mét lò neo thực hiện: 3.000m/KH: 5.000m đạt 60% KH năm (bằng 84,4% so với cùng kỳ năm 2021).

- **Đất bóc:** Thực hiện 176.000m³/KH: 176.000m³ đạt 100% KH năm, (bằng 52,2% so với cùng kỳ năm 2021).

- **Than tiêu thụ:** Tổng số thực hiện 1.582.000T/KH: 1.522.500T đạt 103,9% KH năm (bằng 99,8% cùng kỳ năm 2021); Trong đó:

+ Than NK giao NMT thực hiện 1.508.000T/KH: 1.485.000T đạt 101,5% KH năm (bằng 109,2% so với cùng kỳ năm 2021).

+ Than sạch giao KV thực hiện 74.000/KH: 37.500T đạt 197,3% KH năm (bằng 36,1% so với cùng kỳ năm 2021).

- **Tồn kho:** 17.500 tấn bằng 41% so cùng kỳ năm 2021.

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2021 được tóm lược cơ bản bởi những thành tựu và điểm nhấn nổi bật như sau:

- Là năm thứ 4 liên tiếp Công ty đạt sản lượng than hầm lò thiết kế (1,5 triệu tấn/năm) trong đó có một số ngày đạt sản lượng kỷ lục >7.000T/ngày và tháng 4 đạt sản lượng kỷ lục than hầm lò > 162.000T.

- Là năm tiếp tục thành công lớn trong công tác đầu tư công nghệ mới: Mặc dù lò chợ CGH trong năm có chuyển điện tuy nhiên vẫn vượt công suất thiết kế (thực hiện 320.000T/CSTK:300.000T). Ngoài ra trong năm Công ty tiếp tục đầu tư mới 01 lò chợ giá khung xích nâng tổng số lò chợ giá khung xích của công ty lên 2 lò chợ. Việc thành công của công tác cơ giới hóa trong khai thác than lò chợ của Công ty khẳng định thêm chủ trương đúng đắn của Tập đoàn và Công ty, sang năm 2023 Công ty tiếp tục triển khai đầu tư thêm 1 lò chợ giá khung xích để thay thế dần công nghệ chống giữ bằng giá XDY đã cũ và lạc hậu.

- Là năm Công ty chấm dứt việc khai thác lộ vỉa để tập trung cho khai thác hầm lò. Đối với các dự án lộ vỉa còn lại Công ty giao các phòng chuyên môn đang tiến hành tính toán, tổng hợp các vướng mắc và hiệu quả kinh tế dự kiến để báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định để xin ý kiến chỉ đạo tiếp theo.

- Là năm công tác chăm lo đời sống người lao động và cải tạo cảnh quan, môi trường mỏ được cải thiện rõ rệt. Duy trì bữa ăn tự chọn và nước tăng lực đảm bảo dinh dưỡng cho CB CNV. Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, cải tạo khu vực trạm y tế, nhà điều hành văn phòng, nhà điều hành khu vực các phân xưởng...tổ chức CB CNV đi nghỉ dưỡng cuối tuần và đặc biệt lần đầu tiên Công ty tổ chức cho các gia đình thợ lò xuất sắc cùng vợ, con đi nghỉ dưỡng tại Móng Cái. Tiếp tục duy trì tốt công tác xe đưa đón công nhân đi làm khu vực miền Đông. Các chế độ chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được quan tâm đúng mức và ngày càng đi vào chiều sâu và nền nếp: Công ty lập đường dây nóng Hotline chuyên nhận các phản ánh, kiến nghị của CB CNV; kết quả trong năm 2022 đã có 9 tin nhắn và đã được Công ty giải quyết. Ngoài ra các vấn đề lớn, quan trọng đều được được lãnh đạo Công ty đưa ra họp bàn trước khi triển khai, thực hiện.

- Là năm có nhiều sự biến động trong công tác tổ chức: Bổ nhiệm mới Giám đốc bằng nguồn tại chỗ, 01 PGĐ, 2 Trưởng phòng, 2 phó phòng, 1 quản đốc, 3 phó quản đốc và đang triển khai quy trình bổ nhiệm 1 đồng chí PGĐ thay thế cho đồng chí PGĐ AT hết nhiệm kỳ theo quy định. Mặc dù có nhiều biến động như vậy tuy nhiên Công ty giữ vững đoàn kết chính trị nội bộ, ổn định tư tưởng người lao động, không có đơn thư khiếu kiện vượt cấp... là tiền đề cho 1 năm sản xuất kinh doanh hiệu quả, thắng lợi.

- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid được thực hiện nghiêm túc và đúng với các chỉ lệnh cấp trên với mục tiêu kép là “ Vừa phòng, chống dịch bệnh- vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh” do đó mặc dù có những thời điểm dịch bùng phát phức tạp Công ty vẫn đảm bảo an toàn cho CB CNV và đạt được kết quả sản xuất kinh doanh thắng lợi.

- Công tác quản trị doanh nghiệp được quan tâm đúng mức, có chiều sâu. Các quy chế, quy định được rà soát tổng thể để chỉnh sửa hoàn thiện phục vụ cho công tác điều hành, kiểm soát, quản trị của Công ty. Hàng tháng, quý, năm đều có báo cáo phân tích hoạt động quản trị, kinh tế để định hướng cho các kỳ tiếp theo.

- Là năm triển khai xong đại hội công đoàn bộ phận cấp Phòng và PX bước đầu đạt được những thành công nhất định tạo tiền đề sang năm 2023 triển khai thắng lợi đại hội Công đoàn cấp Công ty và TKV.

- Công tác VH-TT-TĐ đạt nhiều thắng lợi trong đó nổi bật là huy chương vàng giải cờ tướng, giải nhì cầu lông đôi nữ, giải nhì cuộc thi ảnh “ Hoa của mỏ”, giải 3 toàn đoàn Văn nghệ cấp TKV. Giải nhì cuộc thi viết vòng tay công đoàn của tạp chí Lao động và CĐ... Trong năm Công ty cũng đã tổ chức thành công ngày lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (01/04/1982-01/04/2022) thành công tốt đẹp được các cơ quan ban ngành và TKV đánh giá cao.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.445.319.916.322	1.193.407.799.168
1.1	Tài sản ngắn hạn	758.345.609.851	315.356.117.688
1.2	Tài sản dài hạn	686.974.306.471	878.051.681.480
	Trong đó: TSCĐ HH	512.130.327.125	547.694.588.932
2	Doanh thu thuần	2.801.523.066.828	2.318.093.785.740
3	Lợi nhuận trước thuế	115.326.526.388	38.689.811.658
4	Lợi nhuận sau thuế	89.635.902.586	33.379.425.456

Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất với tổng mức đầu tư là: 66.094 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là : 61.855 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 9.457 triệu đồng.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 126.544 triệu đồng. (Trong đó tài sản thanh lý không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật là 126.544 triệu đồng).

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2022 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 5,47 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2021(đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	1	2	(3=1/2*100)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	867.168.474.349	614.680.283.940	141,08
1	Vay và nợ ngắn hạn	290.328.045.936	188.529.246.519	154,00
2	Phải trả người bán	262.012.074.828	280.652.752.329	93,36
B	Nợ dài hạn	263.436.806.552	314.387.481.985	83,79
1	Vay và nợ dài hạn	249.986.855.506	290.183.651.312	86,15
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	1.130.605.280.901	929.067.765.925	121,69

Tổng các khoản nợ phải trả tăng so với đầu kỳ là: 201.538 triệu đồng, tương ứng tăng 21,69%. Không có nợ quá hạn, nợ xấu. Nợ phải trả ngắn hạn tăng 252.488 triệu đồng, tương ứng tăng 41,08 %, nợ dài hạn giảm 50.951 triệu đồng, tương ứng giảm 16,21%. Nguyên nhân chủ yếu năm 2022 Công ty vẫn thu xếp ổn định dòng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước, trả nợ người bán và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã thực hiện xong các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020. Trong năm 2022 Công ty đang triển khai thí điểm mô hình xã hội hóa một số khâu trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục vận động số lao động dôi dư ở các khâu phục vụ phụ trợ và gián tiếp đủ điều kiện về nghỉ chế độ, nhằm giảm tỷ trọng lao động gián tiếp và phục vụ phụ trợ về sát với tỷ trọng theo mô hình mẫu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị - Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có (Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:*

Năm 2022, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cụ thể: Đã kiểm soát được chất lượng môi trường không để các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất vượt các Quy chuẩn môi trường tương ứng.

Đầu tư và duy trì sửa chữa các công trình hạ tầng trong các khu vực mặt bằng công nghiệp mở đảm bảo kang trang sạch đẹp sẽ góp phần cùng địa phương xây dựng thành phố Cẩm Phả.

- Hàng năm thực hiện nạo vét khai thông các tuyến cống rãnh và suối thoát nước trong khu vực, quét dọn vệ sinh môi trường trong mặt bằng công nghiệp mở, các tuyến đường và khuôn viên phục vụ các hoạt động chung của Công ty và cộng đồng dân cư.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Khen thưởng các nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hàng năm Công ty còn trích từ chi phí sản xuất hỗ trợ cho CBCNV đi thăm quan nghỉ mát. Ngoài ra trong năm Công ty còn tổ chức 02 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, để kịp thời phát hiện các trường hợp có bệnh hoặc sức khỏe yếu để đưa đi điều trị, phục hồi chức năng tại các cơ sở của Tập đoàn và Nhà nước. Công ty tin rằng đời sống ổn định và sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2022, HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc rà soát lại các quy chế đã ban hành và xây dựng một số quy chế mới để trình HĐQT xem xét phê duyệt và ban hành áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và của TKV. Năm 2022, Giám đốc điều hành Công ty đã trình HĐQT phê duyệt các Quy chế nhằm tăng cường quản lý Công ty trên các mặt quản lý cán bộ, An toàn vệ sinh lao động....; Trong SXKD của Công ty; Đảng ủy, Công đoàn và Giám đốc điều hành đã ký các Nghị quyết Liên tịch để thống nhất lãnh đạo điều hành trong các mặt hoạt động phong trào của CBCNVC và người lao động của Công ty. Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá:

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc đã trình HĐQT thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức, tái cơ cấu lực lượng lao động theo hướng giảm lao động phục vụ phụ trợ, tăng cường và ưu tiên chế độ cho thợ có tay nghề bậc cao, ban hành lại các quy chế phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Công tác An toàn: Với mục tiêu “An toàn là số một”, năm 2022 vừa qua, Công ty tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho các đối tượng theo đúng kế hoạch đề ra. Triển khai

đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, tăng cường kiểm tra công tác an toàn lao động (định kỳ, đột xuất). Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức tự chủ an toàn cho người lao động, và duy trì việc theo dõi thực hiện công tác an toàn qua hệ thống Camera giám sát.

- Công tác An ninh trật tự: Tiếp tục được duy trì ổn định, thực hiện quyết liệt, ngăn chặn việc xâm nhập khai trường, kiểm soát người và thiết bị hoạt động tại khai trường và ra vào khai trường... Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ.

- Công tác thi đua-khen thưởng: Ngay từ đầu năm, Công ty đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sâu rộng trong toàn Công ty với mục tiêu An toàn - Đổi mới - Phát triển.

- Công tác phối hợp với các đoàn thể, quần chúng trong Công ty và cơ quan chính quyền địa phương: Cùng với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho CBCNV về nhiệm vụ SXKD và những giải pháp của Công ty; thực hiện tốt công tác phối hợp đẩy mạnh và phát động các phong trào thi đua LĐSX; công tác đảm bảo AT-VSLĐ; bảo vệ môi trường... tạo sự đồng lòng, quyết tâm thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao. Đối với chính quyền địa phương tăng cường hợp tác, phối hợp đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn. Phối hợp tuần tra, kiểm soát chung giữa Công ty - UBND - Công an phường tại các khu vực ranh giới mỏ quản lý.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2022, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2022, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành sản xuất linh hoạt, báo cáo thường xuyên với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2022; Kết quả SXKD của Công ty sau khi đã trích lập các khoản dự phòng và mua bảo hiểm đầy đủ cho các thiết bị, lợi nhuận vẫn còn do đó Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả. Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký với các đối tác kinh doanh trong năm 2022 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tập đoàn trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Công ty áp dụng thang bảng lương và chế độ đối với người lao động theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và của

Công ty. Công ty đã ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch được giao và điều kiện thực tế của Công ty trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đề ra một số giải pháp chỉ đạo chủ yếu như sau:

- Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xuống sâu khai thác hầm lò mỏ than Mông Dương để duy trì SX cho các năm tiếp theo.

- Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong các công đoạn, dây chuyền và tổ chức sản xuất. Triển khai công tác xã hội hóa ở một số khâu dây truyền sản xuất.

- Triển khai thực hiện cơ chế tuyển dụng, thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

- Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa lò chợ, tự động hóa vào sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

- Giữ giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

- Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a. Thay đổi thành viên HĐQT: Trong năm 2022 thay đổi 01 thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Quế Thanh chuyển công tác về tập đoàn TKV và từ nhiệm thành nhiệm HĐQT; HĐQT công ty bổ nhiệm 01 thành viên thay thế (Ông Ngô Xuân Thủy)

b. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Ghi chú
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch	Không ĐH	Người đại diện phần vốn
2	Nguyễn Quế Thanh	Ủy viên	Điều hành	Từ nhiệm 02/4/2022
3	Hoàng Trọng Hiệp	Ủy viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 24/04/2018
4	Vũ Tiến Quang	Ủy viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 24/04/2018
5	Ngô Xuân Thủy	Ủy viên	Không ĐH	Bổ nhiệm từ 03/04/2022
6	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 03 (ba) thành viên không điều hành và 02 (hai) thành viên điều hành.

c) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban. Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

d) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là

làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

e) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Trong năm 2022, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2022 các thành viên HĐQT đã tham gia các lớp về quản trị Công ty được tổ chức tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát : Trong năm 2021, Ban kiểm soát của Công ty không có sự thay đổi.

Danh sách Ban kiểm soát năm 2022, bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng Ban		0	24/4/2018
2	Dương Hải Yến	Thành viên		0,010%	27/4/2016
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên		0,009%	25/4/2013

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2022 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tổ chức 02 cuộc họp để tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty.

- Năm 2022 Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về sự vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành. Có được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của các thành viên Ban kiểm soát còn có sự nhiệt tình phối hợp rất hiệu quả của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các phòng chức năng quản lý của Công ty và của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 với tổng số tiền là: 504 triệu đồng

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban giám đốc Công ty có 06 thành viên. Trong năm 2022. Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.373 triệu đồng

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2021 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	168		168	
3	Thư ký HĐQT Cty	1	50,4		50,4	
3	Ban Giám đốc	5,7	2.373	2.373		
	Tổng số		2.877	2.373	504	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Phụ lục số 2 kèm theo

d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm 2022 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 71/2023/BCKT- PKFVN ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh

ngành Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: **mongduongcoal.vn**

Công ty xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc
- Lưu: VT, HĐQT (3)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Thành

Phụ lục số 01**TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH***(Bao gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng)***1) Lý lịch của Giám đốc điều hành Hoàng Trọng Hiệp**

Họ và tên: HOÀNG TRỌNG HIỆP

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 022080008381, cấp ngày 12/8/2021

Ngày tháng năm sinh: 14 tháng 2 năm 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 5 – Khu Phan Đình Phùng, Cẩm Tây, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khai thác mỏ

Quá trình công tác:

- Từ tháng 7/2001 -:- tháng 12/2004 Kỹ thuật viên phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương
- Từ tháng 01/2005 -:- tháng 2/2006 Quyền phó phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương
- Từ tháng 3/2006 -:- tháng 12/2006 Phó phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương
- Từ tháng 01/2007 -:- tháng 3/2007 Phó phòng An toàn mỏ. Công ty CP than Mông Dương
- Từ tháng 4/2007 -:- 11/2007 Quyền Trưởng phòng An toàn mỏ. Công ty CP than Mông Dương
- Từ tháng 12/2007 -:- tháng 11/2008 Quyền Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất. Công ty CP than Mông Dương
- Từ tháng 12/2008 -:- tháng 5/2013 Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất; Bí thư chi bộ khối điều hành; UVBCH Đảng bộ. Công ty CP than Mông Dương
- Từ tháng 6/2013 -:- tháng 8/2013 Quản đốc công trường Đào lò 4. Công ty than Mông Dương
- Từ tháng 9/2013 -:- tháng 5/2014 Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất. Công ty than Mông Dương
- Từ tháng 5/2014 -4/2022 Phó Giám đốc Công ty CP than Mông Dương. Công ty CP than Mông Dương.
- Từ tháng 4/2022 đến nay Giám đốc Công ty CP than Mông Dương. Công ty CP than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí Thư Đảng uỷ.

Số cổ phần đang nắm giữ: **921** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **921** cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2) Lý lịch của Phó Giám đốc Vũ Tiến Quang

- Họ và tên: VŨ TIẾN QUANG

- Giới tính: nam nữ

- Số CMND: **101013120**;

- Ngày tháng năm sinh: 20/6/1972;

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Dân tộc: Kinh.

- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Khu 2, Mông Dương, Cẩm Phả, Q.N

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khai thác mỏ;

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1999 -:- tháng 7/2002 Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 8/2002 -:- tháng 10/2004 Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 11/2004 -:- tháng 11/2007 Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2007 đến nay Phó giám đốc Công ty CP than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng uỷ

Số cổ phần đang nắm giữ: **1.109** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **1.109** cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

-Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần):

+Vợ Lê Thị Huệ: Số cổ phần đang nắm giữ: **4.785** cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

3) Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hữu Hùng

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG

Giới tính: nam nữSố CMND: **100588463**,

Ngày tháng năm sinh: 17/4/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Trung, C.Phả, QN**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1994 ÷ tháng 8/1998 Công nhân Công ty Địa chất và khai thác khoáng sản.
- Từ tháng 9/1998 ÷ tháng 10/2000 Kỹ thuật viên P. CDVT Công ty than Dương Huy.
- Từ tháng 11/2000 ÷ tháng 3/2003 Kỹ thuật viên Công trường Xí nghiệp than Tân Lập.
- Từ tháng 4/2003 ÷ tháng 6/2003 Công nhân CT KT5 Công ty CP than Mông Dương.
- Từ tháng 7/2003 ÷ tháng 6/2008 PQĐ Công trường Cơ giới hầm lò Công ty CP than Mông Dương.
- Từ tháng 7/2008 ÷ tháng 9/2012 Phó phòng CDVT Công ty than Mông Dương.
- Từ tháng 10/2012 ÷ tháng 4/2018 Trưởng phòng CV Công ty CP than Mông Dương.
- Từ tháng 5/2018 đến nay Phó giám đốc Công ty CP than Mông Dương.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng uỷ.

Số cổ phần đang nắm giữ: **1.772** cổ phiếuTrong đó: + Sở hữu cá nhân: **1.772** cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4) Lý lịch của Phó Giám đốc Trần Mạnh Hà

Họ và tên: TRẦN MẠNH HÀ

Giới tính: nam nữ

Số CMND: 010079006411 ngày cấp 13/8/2021 - Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1979

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Bình - Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ

- Từ tháng 9/2001 ÷ tháng 12/2001 Nhân viên phòng Công nghệ khai thác
- Từ tháng 01/2002 ÷ tháng 7/2002 Công nhân công trường khai thác 4
- Từ tháng 8/2002 ÷ tháng 4/2007 Nhân viên phòng Công nghệ khai thác
- Từ tháng 5/2007 ÷ tháng 6/2007 Phó phòng Trung tâm an toàn mỏ và sản xuất
- Từ tháng 7/2007 ÷ tháng 8/2007 PQĐ Công trường Khai thác 1
- Từ tháng 9/2007 ÷ tháng 12/2007 PQĐ Công trường Khai thác 3
- Từ tháng 01/2008 ÷ tháng 3/2014 Phó phòng Công nghệ khai thác
- Từ tháng 4/2014 ÷ tháng 5/2014 Phó phòng Trung tâm Điều hành An toàn
- Sản xuất
 - Từ tháng 6/2014 ÷ tháng 4/2017 Trưởng phòng Điều khiển sản xuất
 - Từ tháng 5/2017 ÷ tháng 5/2018 Ủy viên BCH Đảng ủy, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất, Trợ lý Giám đốc
 - Từ tháng 6/2018 ÷ tháng 6/2021 Ủy viên BCH Đảng ủy, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất
 - Từ tháng 7/2021 đến nay Ủy viên BCH Đảng ủy, Phó giám đốc Công ty CP than Mông Dương.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng ủy.

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5) Lý lịch của Phó Giám đốc Lại Quang Trung

- Họ và tên: LẠI QUANG TRUNG
- Giới tính: nam nữ
- Số CCCD: **022078004176;**
- Ngày tháng năm sinh: 15/09/1978;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 57,tổ 16 ,phố lý bồn –Thành Phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ;
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 8/2000 ÷ 12/2001 Nhân viên phòng Kỹ thuật công nghệ;
 - Từ tháng 01/2002 ÷ 4/2002 Công nhân Công trường Khai thác 1;
 - Từ tháng 5/2002 ÷ 8/2002 Nhân viên phòng Trung tâm điều hành An toàn - Sản xuất;
 - Từ tháng 9/2002 ÷ 9/2005 Nhân viên phòng Kỹ thuật công nghệ;
 - Từ tháng 10/2005 ÷ 12/2007 Phó phòng Kỹ thuật công nghệ;
 - Từ tháng 01/2008 ÷ 8/2010 Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
 - Từ tháng 09/2010 ÷ 8/2014 Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ;
 - Từ tháng 9/2014 ÷ 6/2015 Quản đốc Công trường Đào lò 1;
 - Từ tháng 7/2015 ÷ 9/2016 Trưởng phòng Thông gió
 - Từ tháng 10/2016 ÷ 06/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ
 - Từ tháng 7/2017 ÷ 02/2020 Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ (KCM)
 - Từ tháng 3/2020 ÷ 7/2022 Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ
 - Từ tháng 7/2022 ÷ nay Phó giám đốc công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UVBCH Đảng bộ Công ty
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu.
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu;
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

6) Lý lịch của Kế toán trưởng Phạm Cẩm Hải.

Họ và tên: PHẠM CẨM HẢI

Giới tính: nam nữSố CMND: **022082003610;**

Ngày tháng năm sinh: 30/9/1982

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Cẩm thành-Cẩm phả -Quảng Ninh**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Từ tháng 3/2007 -:- tháng 09/2008: Công nhân thống kê sản lượng – Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 10/2008 -:- tháng 11/2013: Nhân viên Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2018: Phó Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 12/2018 đến nay Kế toán trưởng; Bí thư chi bộ; UVBCH Đảng ủy Công ty CP than Mông Dương.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế Toán Trưởng;

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không;

Số cổ phần đang nắm giữ: không có;

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không có;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không;

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Phục lục số 02

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN &
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT
ĐANG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT TRONG THỜI GIAN 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số **1015**/BC-TMD, ngày **11**/04/2023 của HĐQT)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). (Bao gồm các Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn như: - Công ty Tuyển Than Cửa Ông – TKV; - Công ty Kho vận Cẩm Phả - Vinacomin; - Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV)	Cổ đông lớn	Mã số DN: 5700100256; 21/10/2014 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Từ năm 2022 đến khi có thay đổi khác	Số 62/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất	TKV Năm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty
2	Công ty cổ phần Vật tư – TKV	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 5700100707; 25/06/2010; Sở KH&ĐT Quảng Ninh.	Tổ 1, khu 2, Phường Hồng Hà Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2022 đến khi có thay đổi khác	Số 62/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Mua bán nhiên liệu	

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 0100101298; 01/11/2004; Sở KH&ĐT Hà Nội	Tòa nhà Việt Á, Duy Tân, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác	Số 62/NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022	Các hợp phục vụ dịch vụ du lịch	
4	Công ty cổ phần than Hà tu - Vinacomin	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 5700101323; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Tổ 6 - Khu 3 - Phường Hà Tu - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2022 đến khi có thay đổi khác	Số 62/NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022	Chưa phát sinh giao dịch	
5	Công ty cổ phần than Cọc Sáu-Vinacomin	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 5700101299; 28/10/2016; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Phường Cẩm Phú-TP.Cẩm Phả-Quảng Ninh	Từ năm 2022 đến khi có thay đổi khác	Số 62/NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022	Chưa phát sinh giao dịch	
6	Công ty cổ phần đồng Tà pèi-Vinacomin	Có cùng Trưởng ban kiểm soát	Mã số DN: 530025299 Sở KH&ĐT Lào Cai	Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác	Số 62/NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022	Chưa phát sinh giao dịch	
7	Công ty cổ phần cơ khí mỏ và đóng tàu - TKV	Có cùng thành viên ban kiểm soát	Mã số DN: 5700479764; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác	Số 62/NQ- ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022	Chưa phát sinh giao dịch	